

Bài 4 HƠN, KÉM NHAU BAO NHIÊU (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được bài toán về hơn, kém nhau bao nhiêu, quan sát đề bài hoặc tranh.
- Biết giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn (một bước tính).

Phát triển năng lực

- Thông qua hoạt động giải bài toán có lời văn (một bước tính) gắn với thực tế, HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề.
- Thông qua hoạt động diễn đạt (nói, viết) khi trình bày cách giải bài toán, HS được phát triển năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

- Phóng to hoặc chiếu các tranh ở SGK (nếu cần) để dạy học có hiệu quả.
- Bộ đồ dùng học Toán 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

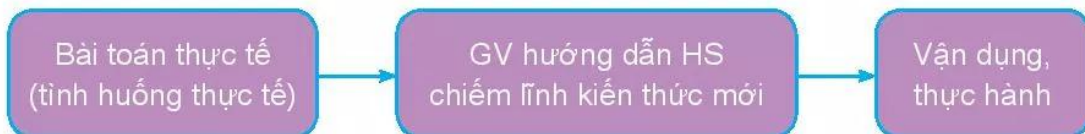
Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Hơn, kém nhau bao nhiêu

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Nhận biết được bài toán cho biết gì, hỏi gì?; từ đó tìm được phép tính thích hợp liên quan đến hơn, kém nhau bao nhiêu đơn vị; biết cách giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn (một bước tính).

1. Khám phá

- Cách tiếp cận:



- HS quan sát tranh, nêu thành bài toán rồi tự trả lời được câu hỏi: Bài toán cho biết gì, hỏi gì?

- GV từ tranh có thể tóm tắt bằng lời (ghi trên bảng):

a) Gà: 10 con	b) Ngỗng: 5 con
Vịt: 7 con	Vịt: 7 con
Gà hơn vịt: ... con?	Ngỗng kém vịt: ... con?

- GV nhấn mạnh chữ “hơn”, “kém” trong bài toán (thường là dẫn ra phép trừ).

- GV cho HS tìm cách giải bài toán theo các bước sau:

+ Bước 1: Phân tích, tìm hiểu đề bài (Cho biết gì? Hỏi gì?).

+ Bước 2: Tìm phép tính giải bài toán. Chẳng hạn: $10 - 7 = 3$; $7 - 5 = 2$.

+ Bước 3: Trình bày (viết) bài giải, chẳng hạn:

a) <i>Bài giải</i>	b) <i>Bài giải</i>
Số gà hơn số vịt là:	Số ngỗng kém số vịt là:
$10 - 7 = 3$ (con)	$7 - 5 = 2$ (con)
<i>Đáp số: 3 con.</i>	<i>Đáp số: 2 con.</i>

Lưu ý: Phần tranh vẽ, tóm tắt đề bài, GV thực hiện hướng dẫn HS giải quyết bài toán, HS không phải ghi tóm tắt vào phần bài giải.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS quan sát tranh, nêu thành bài toán rồi nêu cách giải và trình bày bài giải (mức độ bài này là HS nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” cho sẵn ở phần bài giải).

GV có thể khai thác thêm:

- Có thể nêu thêm (nếu cần) câu hỏi khác để HS làm, chẳng hạn: “Số chim ở cành dưới ít hơn số chim ở cành trên bao nhiêu con?”.

- Có thể hiểu từ “nhiều hơn, ít hơn bao nhiêu” cùng nghĩa với từ “hơn, kém nhau bao nhiêu”.

Bài 2: Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải tương tự như bài 1. (Bài này khác bài 1 ở mối quan hệ “hơn bao nhiêu” thay là “kém bao nhiêu”).

Bài 3: Yêu cầu HS đọc đề bài, trả lời câu hỏi: “Bài toán cho biết gì, hỏi gì?”.

GV hướng dẫn HS tóm tắt, sau đó tìm phép tính thích hợp rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

<i>Tóm tắt</i>	<i>Bài giải</i>
Bố: 38 tuổi	Bố hơn Mai số tuổi là:
Mai: 7 tuổi	$38 - 7 = 31$ (tuổi)
Bố hơn Mai: ... tuổi?	<i>Đáp số: 31 tuổi.</i>

Bài 4: Thực hiện tương tự bài 3, GV hướng dẫn hoặc cho HS tự làm và viết được bài giải. Chẳng hạn:

Bài giải

Số thùng đựng rác khác hơn số thùng đựng rác tái chế là:

$$10 - 5 = 5 \text{ (thùng)}$$

Đáp số: 5 thùng.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố giải bài toán về hơn, kém nhau bao nhiêu, qua đó bổ sung nội dung kiến thức về tính toán với số đo độ dài có đơn vị xăng-ti-mét.

Bài 1: Yêu cầu HS quan sát tranh (các băng giấy), dựa vào các yêu cầu ở câu a và b để viết phép tính thích hợp tương ứng ở mỗi câu (nêu, viết số vào ô có dấu “?” ở mỗi câu).

Bổ sung kiến thức lớp 1 chưa học: HS được làm quen phép tính với đơn vị đo độ dài (cm). GV cần hướng dẫn cụ thể cách viết (cm viết sau số đo, cm được viết ở cả số bị trừ, số trừ và hiệu).

Bài 2:

- Câu a: Yêu cầu HS quan sát tranh rồi so sánh số đo độ dài (cùng đơn vị cm), tìm ra bút nào ngắn nhất (bút sáp màu).
- Câu b: Yêu cầu HS dựa vào số đo độ dài mỗi vật ở tranh, rồi so sánh hơn, kém nhau bao nhiêu, từ đó nêu và trả lời mỗi câu hỏi. Chẳng hạn: HS tính nhầm $25 - 20 = 5$, sau đó nêu, viết số 5 vào ô có dấu “?” ở câu thứ nhất và trả lời được: “Bút chì dài hơn bút mực 5 cm”. Hoặc nhầm $25 - 10 = 15$, rồi nêu, viết số 15 vào ô có dấu “?” ở câu thứ hai và trả lời được: “Bút sáp ngắn hơn bút chì 15 cm”.

Bài 3: Câu a: Yêu cầu HS so sánh tìm rô-bốt cao nhất.

Câu b: Yêu cầu HS thực hiện tương tự như bài 2 (ở trên), chẳng hạn có:

$$\bullet 56 - 54 = 2$$

Rô-bốt A cao hơn rô-bốt B 2 cm.

$$\bullet 59 - 54 = 5$$

Rô-bốt B thấp hơn rô-bốt C 5 cm.

Từ bài 2 và 3, ta có thể hiểu “dài hơn, ngắn hơn bao nhiêu”, “cao hơn, thấp hơn bao nhiêu” tương tự như “hơn, kém nhau bao nhiêu”.

Bài 4: Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải (tương tự ở phần khám phá).

a) *Bài giải*

Số thuyền Mai gấp được hơn Nam là:

$$8 - 6 = 2 \text{ (cái thuyền)}$$

Đáp số: 2 cái thuyền.

b) *Bài giải*

Số thuyền Nam gấp được kém Mai là:

$$8 - 6 = 2 \text{ (cái thuyền)}$$

Đáp số: 2 cái thuyền.

Đây là hai bài toán có lời văn có cùng phép tính giải ($8 - 6 = 2$) và cùng đáp số (2 cái thuyền), nhưng khác nhau ở ý câu trả lời (theo quan hệ hơn, kém nhau).

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).